

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 27-01-2021
“V/v Tranh chấp Nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phúc.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham: Không gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2020/TLST-DS, ngày 11/11/2020 về việc “Tranh chấp Nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ – sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh HHB, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Phương T – sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh HHB, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:

Bà bắt đầu tham gia chơi hui của bà Võ Thị Phương T từ năm 2007, tất cả các dây hui trước đều đã mãn và hốt xong. Tiếp theo, vào năm 2014, bà tiếp tục tham gia chơi 10 chân hui trong 7 dây hui do bà Võ Thị Phương T làm chủ, các chân hui này đều chưa mãn, bà chưa hốt hui, nhưng bà T tuyên bố ngưng hui, cụ thể gồm các dây hui sau:

- Dây hui 2.000.000đ/tháng: Áp hui ngày 06/4/2014 al, có 27 chân, bà chơi 01 chân, bà đã đóng 24 lần được số tiền 48.000.000đ (tính theo hui chết).

- Dây hui 2.000.000đ/tháng: Áp hui ngày 06/02/2015 al, có 28 chân, bà chơi 02 chân, bà đã đóng 21 lần được số tiền 84.000.000đ (tính theo hui chết).

- Dây hui 3.000.000đ/tháng: Áp hui ngày 10/6/2015 al, có 28 chân, bà chơi

01 chân, bà đã đóng 18 lần được số tiền 54.000.000đ (tính theo hội chết).

- Dây hội 3.000.000đ/tháng: Áp hội ngày 15/3/2015 al, có 29 chân, bà chơi 01 chân, bà đã đóng 20 lần được số tiền 60.000.000đ (tính theo hội chết).

- Dây hội 2.000.000đ/tháng: Áp hội ngày 20/10/2015 al, có 26 chân, bà chơi 02 chân, bà đã đóng 16 lần được số tiền 64.000.000đ (tính theo hội chết).

- Dây hội 2.000.000đ/tháng: Áp hội ngày 06/02/2015 al, có 28 chân, bà chơi 02 chân, bà đã đóng 13 lần được số tiền 52.000.000đ (tính theo hội chết).

- Dây hội 4.000.000đ/tháng: Áp hội ngày 25/3/2016 al, có 20 chân, bà chơi 01 chân, bà đã đóng 8 lần được số tiền 32.000.000đ (tính theo hội chết).

Tổng cộng số tiền kê theo 10 chân hội trên là 394.000.000đ, nhưng sau khi tuyên bố bế hội phía bà T có trả cho bà nhiều lần được tổng cộng số tiền là 20.600.000đ thì ngưng không trả nữa, còn lại 373.400.000đ. Đối với số tiền nợ hội trên bà đã nhiều lần đến yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Phương T phải trả cho bà số tiền hội còn lại tổng cộng là 373.400.000đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai ngày 09/12/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Phương T trình bày:

Bà T thừa nhận: Bà Đ có tham gia chơi hội do bà làm chủ. Các chân hội, dây hội và số lần đóng hội như bà Đ kê ra là đúng. Bà cũng thừa nhận số tiền hội khi ngưng bà có viết biên nhận còn nợ bà Đ là 394.000.00đ nhưng bà cho rằng hội đó là có lãi và bà đã trả cho bà Đ được 20.600.000đ. Nhưng nay bà cho rằng hiện nay hội bế, bà nợ nhiều người nên không có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của bà Đ nên xin bà Đ giảm số tiền trên và tính trên hội vốn còn lại là 247.700.000đ, trừ đi số tiền đã trả là 20.600.000đ, còn lại 227.100.000đ. Nếu bà Đ không đồng ý tính trên hội vốn thì bà cũng đồng ý trả cho bà Đ số tiền nợ hội còn lại theo yêu cầu của bà Đ là 373.400.000đ nhưng bà xin được trả dần mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà Trương Thị Đ khởi kiện bà Võ Thị Phương T về việc “Tranh chấp nợ hội” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2014, giữa bà Trương Thị Đ và bà Võ Thị Phương T có thỏa thuận góp hội với nhau, bà T làm chủ hội, bà Đ là thành viên trong các dây hội sau: Dây hội 2.000.000đ/tháng, hội áp ngày 06/4/2014 al; Dây hội 2.000.000đ/tháng, hội áp ngày 06/02/2015 al; Dây hội

3.000.000đ/tháng, hui áp ngày 10/6/2015 al; Dây hui 3.000.000đ/tháng, hui áp ngày 15/3/2015 al; Dây hui 2.000.000đ/tháng, hui áp ngày 20/10/2015 al; Dây hui 2.000.000đ/tháng, hui áp ngày 06/02/2015 al; Dây hui 4.000.000đ/ tháng, hui áp ngày 25/3/2016 al. Tất cả 10 chân hui nêu trên bà Đ đều chưa hót (đều là hui sống), quá trình chơi hui, bà Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hui của 10 chân hui trên cho đến khi bà T ngưng xô hui. Tuy nhiên, từ khi ngưng xô hui đến nay, bà T vẫn chưa giao tiền hui đầy đủ cho bà Đ nên bà Đ khởi kiện đòi lại số tiền nợ hui 373.400.000đ. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hui như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà Đ buộc bà T phải trả số tiền nợ hui là 373.400.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ và bà T đều thống nhất xác định số tiền nợ hui bà T còn nợ bà Đ tổng cộng là 373.400.000đ, bà Đ yêu cầu bà T trả đủ một lần, vì số nợ rất nhiều và bà lớn tuổi nên không thể nào đồng ý cho bà T trả dần được. Còn bà T trình bày hoàn cảnh khó khăn, hiện nợ nhiều người nên xin được trả dần cho bà Đ mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trả cho đến khi nào dứt nợ thì thôi. HĐXX thấy rằng, bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hui theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường và yêu cầu xin được trả nợ dần của bà cũng không được bà Đ đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ và buộc bà T có trách nhiệm thanh toán số nợ hui này cho bà Đ là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Phương T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 18.670.000đ (373.400.000đ x 5%) do bà có lỗi trong vụ kiện này.

Bà Trương Thị Đ được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 9.850.000đ (Chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009547 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Buộc bà Võ Thị Phương T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Đ số tiền nợ hui còn lại tổng cộng là **373.400.000đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đ cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Thảo còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bà Võ Thị Phương T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 18.670.000đ (Mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà Trương Thị Đ được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 9.850.000đ (Chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009547 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/01/2021.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật